TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2020.
V/v: "Tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T N, xã L C, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà X, Tổ Y, ấp T T, xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Anh K, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T N, xã L C, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà X, Tổ Y, ấp T T, xã T S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân vào năm 2012. Hôn nhân của anh chị được Sở Tư pháp tỉnh Đồng

Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 171 quyển số 01/2012 ngày 12/3/2012. Để làm thủ tục đăng ký kết hôn thì anh K xuất trình giấy tờ tùy thân là Hộ chiếu số: B2739592, nơi cấp: Việt Nam với tên là Trần Anh K, sinh ngày 16/5/1991, dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: 3-5-202 Yachiyo Shi, Yamamoto Chiba, Japan.

Tuy nhiên, thực tế anh Trần Anh K tên thật là Vũ Anh K, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T N, xã L C, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng.

Khi đăng ký kết hôn và được Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn anh Vũ Anh K đã sử dụng tên giả và hộ chiếu giả. Hành vi sử dụng hộ chiếu giả, anh K đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử và tuyên anh K phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và Hộ chiếu số B2739592, nơi cấp: Việt Nam mang tên Trần Anh K, sinh năm 1991 thì đã bị tuyên hủy theo Bản án số 118/2013/HSST ngày 11/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án số 137/2014/HSPT ngày 25/3/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại TP. Hồ Chí Minh.

Nay chị yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh Trần Anh K (tên thật là Vũ Anh K) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171 ngày 12/3/2012 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 31/3/2015. Nay chị đồng ý giao cháu H cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 05/4/2020 và lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Anh K thể hiện:

Anh và chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân vào năm 2012. Anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 171 quyển số 01/2012 ngày 12/3/2012. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì anh cung cấp cho Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai hộ chiếu số: B2739592, nơi cấp: Việt Nam, với tên Trần Anh K, sinh ngày16/5/1991, dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; Nơi cư trú: 3-5-202 Yachiyo Shi, Yamamoto Chiba, Japan. Tuy nhiên, hộ chiếu số: B2739592 trên là giả và tên Trần Anh K cũng là giả, còn tên thật của anh là Vũ Anh K, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Ấp T N, xã L C, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng.

Do sử dụng hộ chiếu giả nên anh đã bị kết án về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và hộ chiếu số B2739592 đã bị tuyên hủy theo Bản án số 118/2013/HSST ngày 11/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Bản án số 137/2014/HSPT ngày 25/3/2014 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại TP. Hồ Chí Minh.

Nay chị Đ yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Đ và anh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171 ngày 12/3/2012 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai thì anh đồng ý chấp nhận.

Về con chung: Anh và chị Đ có 01 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 31/3/2015. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Đ không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Anh K (tên thật là Vũ Anh K).

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 31/3/2015 cho anh Vũ Anh K trực tiếp nuôi dưỡng và chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn và 300.000 đồng án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Anh K có nơi cư trú tại ấp T T, xã Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật đối với anh K, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật" theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Chị Đ khởi kiện đối với anh K. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Đ là nguyên đơn, anh K là bị đơn trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh K đăng ký kết hôn và được và được Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 171 quyển số 01/2012 ngày 12/3/2012.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Hồ sơ đăng ký kết hôn do anh K cung cấp cho Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai thì giấy tờ tùy thân là Hộ chiếu số B2739592, nơi cấp: Việt Nam và lấy tên là Trần Anh K, sinh ngày: 16/5/1991, dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; nơi cư trú: 3-5-202 Yachiyo Shi, Yamamoto Chiba, Japan. Tuy nhiên, theo Bản án có hiệu lực pháp luật thì Hộ chiếu và tên Trần Anh K là giả và tên thật là Vũ Anh K, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T N, xã L C, thành phố B L, tỉnh Lâm Đồng. Bản thân anh K và chị Đ đều thừa nhận anh K đã sử dụng giấy tờ giả và tên giả để đăng ký kết hôn với chị Đ.

Do đó, việc anh K đã sử dụng giấy tờ giả và tên giả đã lừa dối chị Đ khi đăng ký kết hôn là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo khoản 2 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định: "*Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở*; và khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định: "*Cấm tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; cấm kết hôn giả tạo, lừa dối để kết hôn, ly hôn; cấm cưỡng ép ly hôn, ly hôn giả tạo; cấm yêu sách của cải trong việc cưới hỏi"*. Do đó anh K đã vi phạm điều kiện kết hôn và vi phạm điều cấm theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Bản thân anh K đã lừa dối chị Đ khi đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị Đ và anh Trần Anh K (tên thật là Vũ Anh K) là kết hôn trái pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: "*Bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự có quyền tự mình yêu cầu Toà án hoặc đề nghị Viện kiểm sát yêu cầu Toà án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này"*.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Anh K (tên thật là Vũ Anh K) là kết hôn trái pháp luật. Nay chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh K có 01 con chung là Nguyễn Bảo H,sinh ngày 31/3/2015. Các đương sự thỏa thuận: Giao cháu H cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét sự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh K kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Khoản 2 Điều 4, khoản 3 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 15, Điều 16, Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình 2000;
- Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 15/6/1989 và anh Trần Anh K, sinh ngày 16/5/1991 (tên thật là Vũ Anh K, sinh năm 1987) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171, quyển số 01/2012 ngày 12/3/2012 của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai. Chị Đ và anh K phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thừa nhận có 01 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 31/3/2015. Các đương sự thỏa thuận: Anh Vũ Anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và chị Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2020.

Chị Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005972 ngày 22/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được trừ vào án phí. Chị Đ còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 171, quyển số 01 ngày 12/3/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Gia Nguyễn Văn Hải Nguyễn Văn Nam